TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2
CTCP NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
POWER GENERATION CORPORATION 2
PHA LAI THERMAL POWER JOINT STOCK COMPANY

Số: 3623/TB-PPC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Hải Phòng, ngày 13 tháng 8 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN
INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM;
- Quý Cổ đông.

To: - *The State Securities Commission;*
- *Ho Chi Minh Stock Exchange;*
- *Shareholders.*

1. Tên tổ chức */Name of organization*: CÔNG TY CP NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI / *PHA LAI THERMAL POWER JOINT STOCK COMPANY*

- Mã chứng khoán */Stock code*: **PPC**
- Địa chỉ */Address*: Km28, QL18, Phường Chí Linh, Thành phố Hải Phòng / *Km28, National Highway 18, Chi Linh Ward, Hai Phong City*
- Điện thoại /*Telephone*: 0220.3881126 Fax: 0220.3881338
- E-mail: ppc.evngenco2@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố / *Contents of disclosure:*

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và giải trình biến động kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại.

Reviewed interim financial statements for the period ended 30 June 2026 and explanation of fluctuations in production and business results of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty ngày 13/08/2026 tại đường dẫn: http://ppc.evn.vn

This information has been published on the Company's official website on August 13, 2026 at the following link: http://ppc.evn.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE
TỔNG GIÁM ĐỐC/*GENERAL DIRECTOR*

Nơi nhận: ***Recipients***
- Như trên/*As above*;
- Phòng KTAT (CBTT trên trang Web)/
Safety and Technical department (disclosure on the website);
- Lưu: VT,TCKT.
/Filed: Office, Accounting and Finance Department.

M.S.D.N: 0800296853 CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI P. CHÍ LINH T. HẢI PHÒNG

Nguyễn Hoàng Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
DN: C=VN, L=HẢI DƯƠNG, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0800296853, E=PPC@EVN.VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.13 15:18:03+07'00'
Foxit PDF Editor Version: 12.1.1

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và đến ngày phê duyệt báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Mai Quốc Long	Chủ tịch
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2026)/ Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2026)
Ông Lương Trường Luân	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2026)
Ông Trần Châu Tấn	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2026)
Ông Nguyễn Hoàng Hải	Thành viên
Ông Ngô Nguyên Đồng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Xuân Diện	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2026)
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2026)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hoàng Hải	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Kiên Quyết	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Nguyên Đồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Thành	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2026)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0800296853 CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI P. CHÍ LINH - TP. HẢI PHÒNG

Nguyễn Hoàng Hải
Thành viên Hội đồng Quản trị/
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2026

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam
Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza
16 Láng Hạ, Phường Giảng Võ
Thành phố Hà Nội
Việt Nam
Điện thoại: +84 24 710 50000
www.deloitte.com/vn

Số: 0182 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là "Công ty"), được phê duyệt ngày 12 tháng 8 năm 2026, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Deloitte là tên gọi dùng để chỉ Deloitte Touche Tohmatsu Limited ("DTTL"), hoặc mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu, và các đơn vị liên quan của các hãng thành viên (gọi chung là "Tổ chức Deloitte"). DTTL (hay còn gọi là "Deloitte Toàn cầu") và mỗi hãng thành viên cũng như các đơn vị liên quan là các pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý, không chịu trách nhiệm hoặc bị ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. DTTL và mỗi hãng thành viên cũng như các đơn vị liên quan chỉ chịu trách nhiệm cho các hành vi và thiếu sót của riêng mình, không chịu trách nhiệm cho hành vi hoặc thiếu sót của các bên còn lại. DTTL không cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Vui lòng truy cập www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

Deloitte.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

M.S.D.N: 0100112500 C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phan Ngọc Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1101-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 12 tháng 8 năm 2026
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Phân loại lại)
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**3.331.514.267.301**	**2.490.349.536.763**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**5**	**17.816.285.465**	**395.770.149.231**
1.	Tiền	111		17.816.285.465	20.414.669.779
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	375.355.479.452
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**	**14**	**20.322.684.932**	**40.234.273.973**
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		20.322.684.932	40.234.273.973
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**2.049.699.495.854**	**1.101.453.065.138**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.981.632.379.788	1.063.153.504.238
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	30.487.541.614	29.879.459.595
3.	Phải thu ngắn hạn khác	135	8	37.579.574.452	8.420.101.305
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**	**9**	**986.287.865.206**	**725.512.954.061**
1.	Hàng tồn kho	141		1.047.148.480.955	788.458.633.286
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(60.860.615.749)	(62.945.679.225)
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**160**		**257.387.935.844**	**227.379.094.360**
1.	Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		2.273.983.857	1.843.037.757
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		250.056.245.828	218.222.041.285
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước ngắn hạn	163	16	5.057.706.159	7.314.015.318
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**2.725.015.024.135**	**2.756.255.038.607**
I.	**Tài sản cố định**	**220**		**175.796.688.109**	**192.968.293.380**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	10	174.986.615.405	191.977.519.762
	- Nguyên giá	*222*		*13.627.402.572.582*	*13.622.894.262.054*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(13.452.415.957.177)*	*(13.430.916.742.292)*
2.	Tài sản cố định vô hình	227	11	810.072.704	990.773.618
	- Nguyên giá	*228*		*61.419.124.730*	*61.419.124.730*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(60.609.052.026)*	*(60.428.351.112)*
II.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**250**		**26.916.066.038**	**26.487.191.217**
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	12	26.916.066.038	26.487.191.217
III.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**260**	14	**2.494.941.787.550**	**2.495.424.187.550**
1.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		1.451.055.770.150	1.451.055.770.150
2.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		1.084.843.117.400	1.084.843.117.400
3.	Dự phòng đầu tư tổn thất vào đơn vị khác dài hạn	264		(40.957.100.000)	(40.474.700.000)
IV.	**Tài sản dài hạn khác**	**270**		**27.360.482.438**	**41.375.366.460**
1.	Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	13	18.768.938.486	32.756.079.756
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		631.897.970	631.897.970
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273	9	7.959.645.982	7.987.388.734
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)	**280**		**6.056.529.291.436**	**5.246.604.575.370**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Phân loại lại)
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**1.594.457.427.637**	**780.223.778.402**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**1.594.457.427.637**	**780.223.778.402**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	1.279.000.636.611	663.788.686.477
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		550.000	7.523.350
3	Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		150.006.493.016	5.730.618.716
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	16	9.467.956.620	13.729.921.186
5.	Phải trả người lao động	315		64.754.577.447	52.033.753.641
6.	Chi phí phải trả ngắn hạn	316	17	53.922.948.726	5.767.023.191
7.	Phải trả ngắn hạn khác	320		1.600.054.003	1.908.925.322
8.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	18	35.704.211.214	37.257.326.519
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**	**19**	**4.462.071.863.799**	**4.466.380.796.968**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.262.350.000.000	3.262.350.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*3.262.350.000.000*	*3.262.350.000.000*
2.	Thặng dư vốn	412		11.692.500.615	11.692.500.615
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		320.839.019.587	320.797.352.920
4.	Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		(87.388.368.719)	(87.388.368.719)
5.	Quỹ đầu tư phát triển	418		768.686.780.404	768.728.447.071
6.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		185.891.931.912	190.200.865.081
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*420a*		*19.892.362.576*	*25.021.366.949*
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/ năm nay	*420b*		*165.999.569.336*	165.179.498.132
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**6.056.529.291.436**	**5.246.604.575.370**

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Tâm	**Phạm Hồng Vân**	**Nguyễn Hoàng Hải**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Người đại diện theo pháp luật**

Phê duyệt, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**22**	**4.656.225.721.985**	**3.476.314.047.019**
2.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)**	**10**		**4.656.225.721.985**	**3.476.314.047.019**
3.	Giá vốn hàng bán	11	23	4.523.813.171.257	3.355.712.566.086
4.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)**	**20**		**132.412.550.728**	**120.601.480.933**
5.	Doanh thu hoạt động tài chính	22	25	108.935.961.027	2.297.707.137
6.	Chi phí tài chính	23		493.718.074	42.494.496
7.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	59.500.814.660	50.961.525.061
8.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(22-23)-26)**	**30**		**181.353.979.021**	**71.895.168.513**
9.	Thu nhập khác	31		831.997.241	2.177.415.536
10.	Chi phí khác	32		1.122.908.852	1.520.801.556
11.	**(Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)**	**40**		**(290.911.611)**	**656.613.980**
12.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**181.063.067.410**	**72.551.782.493**
13.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	15.063.498.074	14.132.041.024
14.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)**	**60**		**165.999.569.336**	**58.419.741.469**
15.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	518	182

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0800296853 CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI P. CHÍ LINH - TP. HẢI PHÒNG

Nguyễn Đức Tâm	Phạm Hồng Vân	Nguyễn Hoàng Hải
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Người đại diện theo pháp luật**

Phê duyệt, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**			
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***	***181.063.067.410***	***72.551.782.493***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***			
	Khấu hao tài sản cố định	02	21.140.080.325	23.125.235.510
	Các khoản dự phòng	03	(3.382.871.531)	(5.807.577.695)
	Lãi từ hoạt động đầu tư tài chính	05	(108.935.961.027)	(2.297.707.137)
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***	***89.884.315.177***	***87.571.733.171***
	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(950.096.909.512)	65.557.364.644
	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(256.881.896.862)	(166.753.759.505)
	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	684.657.019.696	(10.307.982.196)
	Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12	13.556.195.170	7.556.033.553
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(25.989.712.005)	-
	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	428.050.000	12.000.000
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(27.473.958.036)	(26.284.012.872)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(471.916.896.372)***	***(42.648.623.205)***
II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**			
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(7.157.100.874)	(29.693.120.221)
2.	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(20.000.000.000)	-
3.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	40.000.000.000	-
4.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	81.120.133.480	130.676.317.937
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***93.963.032.606***	***100.983.197.716***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
1.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(64.084.938.650)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	**-**	***(64.084.938.650)***
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**	**(377.953.863.766)**	**(5.750.364.139)**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**395.770.149.231**	**25.465.520.493**
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	**70**	**17.816.285.465**	**19.715.156.354**

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Tâm	Phạm Hồng Vân	Nguyễn Hoàng Hải
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Người đại diện theo pháp luật

Phê duyệt, ngày 12 tháng 8 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Nhiệt Điện Phả Lại thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN") theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0800296853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương (nay là Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng) cấp ngày 26 tháng 01 năm 2006, sửa đổi gần nhất lần thứ 12 ngày 28 tháng 7 năm 2025.

Ngày 26 tháng 01 năm 2007, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo thông báo ngày 17 tháng 01 năm 2007, với mã chứng khoán là PPC.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Phát điện 2 - CTCP (EVNGENCO2).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 693 người (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 706 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh điện năng
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, các công trình Nhiệt điện, công trình kiến trúc của Nhà máy điện
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện
- Lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp công trình điện
- Mua bán xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
- Sản xuất, chế tạo các thiết bị, vật tư phụ tùng cơ - nhiệt điện
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện
- Bồi dưỡng cán bộ công nhân viên về quản lý thiết bị vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này như trình bày tại Thuyết minh số 34.

Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty đặt tại km28 quốc lộ 18, Phường Chí Linh, Thành phố Hải Phòng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có chi nhánh phụ thuộc là Ban Quản lý dự án - Chi nhánh Công ty Nhiệt điện Phả Lại được thành lập ngày 06 tháng 02 năm 2026. Trụ sở chính của chi nhánh đặt tại Km28 quốc lộ 18, Phường Chí Linh, Thành phố Hải Phòng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 01 công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 01 công ty liên kết) là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Hải Phòng	25,97%	25,97%	Hoạt động sản xuất, kinh doanh điện năng

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0203000279 do Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 17 tháng 9 năm 2002, sửa đổi lần thứ 13 ngày 28 tháng 07 năm 2026. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng là sản xuất, truyền tải và phân phối điện (nhiệt điện). Trụ sở chính của công ty liên kết đặt tại Tổ dân phố 6, Phường Nam Triệu, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư 99 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo 200/2014/TT-BTC do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 99 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị và không bị hạn chế sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập khi nếu có bất kỳ dấu hiệu hoặc bằng chứng nào cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty có khả năng không thu hồi được

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng tổn thất (nếu có).

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư và các khoản đầu tư vào hợp đồng hợp tác kinh doanh mà Công ty không có quyền đồng kiểm soát nhưng được hưởng lợi ích phụ thuộc vào lợi nhuận sau thuế của hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng tổn thất (nếu có).

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được thực hiện khi công ty nhận vốn góp đầu tư bị lỗ hoặc khoản đầu tư vào đơn vị khác bị suy giảm giá trị dẫn đến Công ty có khả năng bị mất vốn.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá trị của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (đối với khối sản xuất kinh doanh) và phương pháp thực tế đích danh (đối với khối xây dựng cơ bản).

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị của các vật tư, phụ tùng dùng để dự trữ, thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản, nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định và có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để có khả năng hoạt động . Đối với tài sản cố định hình thành từ đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành đưa vào vị trí và trạng thái có khả năng hoạt động nhưng quyết toán dự án chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã phát sinh, chi phí ước tính chắc chắn sẽ phải bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 35
Máy móc, thiết bị	05 – 36
Phương tiện vận tải	10 – 17
Thiết bị văn phòng	03 – 10
Tài sản cố định khác	03 – 10

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp.

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Giá trị phần mềm được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Thuê tài sản

Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan, phù hợp với Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Công ty ghi nhận chi phí sửa chữa lớn theo thực tế phát sinh. Chi phí sửa chữa lớn này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán khi công trình sửa chữa lớn hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng. Chi phí sửa chữa lớn của các công trình sửa chữa chưa hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng tại thời điểm cuối kỳ được theo dõi trên tài khoản Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang.

Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, vật tư thiết bị đã xuất dùng, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Phải trả người bán

Phải trả người bán là các khoản nợ phải trả phát sinh từ việc mua hàng hóa, dịch vụ hoặc tài sản từ người bán trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp. Các khoản phải trả người bán được thể hiện theo giá gốc.

Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Phải trả cổ tức, lợi nhuận phản ánh số cổ tức phải trả cho các cổ đông. Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận khi Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Công ty đã nhận được nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ hồ sơ, chứng từ, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán .

Vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá. Cổ phiếu phát hành để tăng vốn điều lệ, vốn góp của cổ đông được ghi nhận theo số tiền thực tế thu được tương ứng với mệnh giá cổ phiếu phát hành thành công.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Số cổ tức được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty. Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Việc trích và sử dụng quỹ đầu tư phát triển được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được xác định và ghi nhận dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện (xác định theo chỉ số trên công tơ điện), có xác nhận của khách hàng và giá bán điện đã được thỏa thuận trong các hợp đồng đã ký kết.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi .

Thu nhập khác là các khoản thu nhập từ các hoạt động không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu từ các hoạt động chính.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán cung cấp bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ và được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là các khoản chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí phát sinh liên quan hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp, không trực tiếp gắn với hoạt động bán hàng hoặc sản xuất và được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi Công ty có khả năng chắc chắn thu được lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ..

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Phân loại lại)
	VND	VND
Tiền mặt	275.781.588	69.803.481
Tiền gửi không kỳ hạn (i)	17.540.503.877	20.344.866.298
Tương đương tiền (ii)	-	375.355.479.452
	17.816.285.465	**395.770.149.231**

(i) Chi tiết số dư tiền gửi không kỳ hạn theo từng ngân hàng bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Bắc Hải Dương	17.516.465.414	20.076.022.047
Các ngân hàng khác	24.038.463	268.844.251
	17.540.503.877	**20.344.866.298**

(ii) Chi tiết các khoản tương đương tiền theo từng ngân hàng bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Phân loại lại)
	VND	VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bình Thạnh	-	200.013.150.684
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chí Linh	-	90.176.054.795
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển - Chi nhánh Bắc Hải Dương	-	85.166.273.973
	-	**375.355.479.452**

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.977.597.989.121	-	1.059.831.358.550	-
Khác	4.034.390.667	-	3.322.145.688	-
	1.981.632.379.788	**-**	**1.063.153.504.238**	**-**
Trong đó:				
Phải thu khách hàng là các bên liên quan *(Chi tiết tại Thuyết minh số 29)*	1.977.597.989.121		1.059.831.358.550	

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Thanh An	18.677.287.218	18.677.287.218
Công ty Cổ phần Cơ điện Minh Quang	6.978.021.090	6.978.021.090
Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật PHATECO	2.353.983.250	2.353.983.250
Các nhà cung cấp khác	2.478.250.056	1.870.168.037
	30.487.541.614	**29.879.459.595**

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ (Phân loại lại)	
	VND Giá trị ghi sổ	VND Giá trị dự phòng	VND Giá trị ghi sổ	VND Giá trị dự phòng
Cổ tức được chia	33.096.811.100	-	5.013.915.060	
Tạm ứng cho nhân viên	3.140.700.000	-	1.587.100.000	
Khác	1.342.063.352	-	1.819.086.245	-
	37.579.574.452	**-**	**8.420.101.305**	**-**
Trong đó:				
Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan *(Chi tiết tại Thuyết minh số 29)*	33.096.811.100		5.013.915.060	

9. HÀNG TỒN KHO

a. Ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
		VND		VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.045.240.018.946	(59.254.015.726)	786.316.996.070	(61.339.079.202)
Công cụ, dụng cụ	1.881.857.255	(1.606.600.023)	2.115.032.462	(1.606.600.023)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	26.604.754	-	26.604.754	-
	1.047.148.480.955	**(60.860.615.749)**	**788.458.633.286**	**(62.945.679.225)**

b. Dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
		VND		VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	147.137.449.257	(139.177.803.275)	148.945.400.064	(140.958.011.330)
	147.137.449.257	**(139.177.803.275)**	**148.945.400.064**	**(140.958.011.330)**

Trong kỳ, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 3.865.271.531 VND (kỳ trước: 2.819.773.175 VND) cho các mặt hàng đã được trích lập dự phòng từ các kỳ trước và xuất vào sử dụng trong kỳ.

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	**1.708.812.563.537**	**11.712.754.127.892**	**119.889.250.613**	**75.043.742.774**	**6.394.577.238**	**13.622.894.262.054**
Tăng trong kỳ	4.344.193.861	87.616.667	-	76.500.000	-	4.508.310.528
Số dư cuối kỳ	**1.713.156.757.398**	**11.712.841.744.559**	**119.889.250.613**	**75.120.242.774**	**6.394.577.238**	**13.627.402.572.582**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu kỳ	**1.619.319.959.115**	**11.638.970.337.771**	**94.743.206.277**	**71.872.775.033**	**6.010.464.096**	**13.430.916.742.292**
Khấu hao trong kỳ	10.813.323.027	7.096.173.128	2.606.848.298	784.918.696	197.951.736	21.499.214.885
Số dư cuối kỳ	**1.630.133.282.142**	**11.646.066.510.899**	**97.350.054.575**	**72.657.693.729**	**6.208.415.832**	**13.452.415.957.177**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	**89.492.604.422**	**73.783.790.121**	**25.146.044.336**	**3.170.967.741**	**384.113.142**	**191.977.519.762**
Tại ngày cuối kỳ	**83.023.475.256**	**66.775.233.660**	**22.539.196.038**	**2.462.549.045**	**186.161.406**	**174.986.615.405**

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 12.823.151.262.227 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: là 12.818.658.960.936 VND).

Công ty không có các tài sản cố định đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định hữu hình trở lên.

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	57.414.901.632	4.004.223.098	61.419.124.730
Số dư cuối kỳ	**57.414.901.632**	**4.004.223.098**	**61.419.124.730**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	57.414.901.632	3.013.449.480	60.428.351.112
Khấu hao trong kỳ	-	180.700.914	180.700.914
Số dư cuối kỳ	**57.414.901.632**	**3.194.150.394**	**60.609.052.026**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	**-**	**990.773.618**	**990.773.618**
Tại ngày cuối kỳ	**-**	**810.072.704**	**810.072.704**

Chi tiết danh mục các tài sản cố định đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định hữu hình trở lên:

Tên tài sản cố định:	**Nguyên giá**
	VND
Quyền sử dụng đất	57.414.901.632

Nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 60.334.919.213 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 60.334.919.230 VND).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Cải tạo nâng cấp thiết bị dây chuyền 1	9.381.043.359	9.381.043.359
Chi phí quản lý dự án	5.550.278.491	5.550.278.491
Hệ thống khử khí NOx, SOx dây chuyền 2	4.337.888.823	3.893.580.616
Các công trình khác	7.646.855.365	7.662.288.751
	26.916.066.038	**26.487.191.217**

13. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỔ DÀI HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Vật tư thiết bị dài hạn xuất dùng	14.787.470.377	26.007.881.107
Công cụ, dụng cụ	1.779.910.871	1.788.178.140
Khác	2.201.557.238	4.960.020.509
	18.768.938.486	**32.756.079.756**

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Phân loại lại)
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Bắc Hải Dương (*)	20.322.684.932	40.234.273.973
	20.322.684.932	**40.234.273.973**

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là tiền gửi tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Bắc Hải Dương bằng bằng VND có kỳ hạn gốc trên 03 tháng và thời hạn thu hồi còn lại dưới 12 tháng hưởng mức lãi suất 3,9%/năm (tại ngày 31 tháng năm 2025: 3,4%/năm).

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
			VND			VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
b. Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (i)	1.451.055.770.150	-	1.337.455.000.000	1.451.055.770.150	-	1.451.055.770.150
	1.451.055.770.150	**-**	**1.337.455.000.000**	**1.451.055.770.150**	**-**	**1.451.055.770.150**

(i) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng hoạt động kinh doanh có lãi cho kỳ hoạt động kết thúc 6 tháng đầu năm 2026 và 6 tháng đầu năm 2025.

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 29.

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
			VND			VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
c. Đầu tư vào các đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	817.295.117.400	-	860.971.304.700	817.295.117.400	-	852.214.417.071
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	100.000.000.000	-	248.856.454.000	100.000.000.000	-	291.275.167.750
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	70.800.000.000	-	134.520.000.000	70.800.000.000	-	186.204.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	50.250.000.000	-	198.551.034.000	50.250.000.000	-	157.413.150.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	46.498.000.000	(40.957.100.000)	5.540.900.000	46.498.000.000	(40.474.700.000)	6.023.000.000
	1.084.843.117.400	**(40.957.100.000)**	**1.448.439.692.700**	**1.084.843.117.400**	**(40.474.700.000)**	**1.493.129.734.821**

(*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định bằng cách tham khảo giá đóng cửa trên thị trường chứng khoán tại phiên giao dịch cuối cùng của ngày kết thúc kỳ hoạt động.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	858.017.643.891	157.660.599.527
Tổng Công ty Đông Bắc - Bộ Quốc Phòng	331.304.534.940	352.844.224.638
Công ty Cổ phần Khoa học Kỹ thuật Châu Á	11.683.081.531	29.207.831.070
Viện Nghiên cứu Cơ khí	8.410.895.736	52.431.044.567
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	4.984.900.872	10.152.740.288
Khác	64.599.579.641	61.492.246.387
	1.279.000.636.611	**663.788.686.477**
Trong đó:		
Phải trả ngắn hạn người bán là các bên liên quan	4.543.927.315	2.540.138.381
(chi tiết tại Thuyết minh số 29)		

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN (PHẢI THU)/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	326.133.872.750	326.133.872.750	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.601.972.555	15.063.498.074	25.989.712.005	(4.324.241.376)
Thuế thu nhập cá nhân	1.270.406.420	1.787.677.357	3.791.548.560	(733.464.783)
Thuế tài nguyên	5.810.772.600	49.218.872.805	45.561.688.785	9.467.956.620
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	8.333.331.500	8.333.331.500	-
Tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	(7.314.015.318)	12.800.156.554	5.486.141.236	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	46.769.611	135.926.087	182.695.698	-
	6.415.905.868	**413.473.335.127**	**415.478.990.534**	**4.410.250.461**
Trong đó:				
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	*7.314.015.318*			*5.057.706.159*
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	*13.729.921.186*			*9.467.956.620*

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Trích trước chi phí sữa chữa, bảo dưỡng tài sản	37.229.245.367	-
Trích trước chi phí sửa chữa thường xuyên	13.024.727.499	-
Trích trước chi phí điện mua từ lưới	3.329.299.117	3.882.394.010
Các khoản trích trước khác	339.676.743	1.884.629.181
	53.922.948.726	**5.767.023.191**
Trong đó:		
Chi phí phải trả là các bên liên quan	3.329.299.117	3.882.394.010
(Chi tiết tại Thuyết minh số 29)		

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Kỳ này	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu kỳ/năm	**37.257.326.519**	**22.928.363.969**
Tăng trong kỳ/năm	**26.460.678.205**	**60.572.101.333**
Trích từ lợi nhuận	26.032.628.205	60.572.101.333
Tăng khác	428.050.000	-
Giảm trong kỳ/năm	**(28.013.793.510)**	**(46.243.138.783)**
Sử dụng trong kỳ/năm	(27.473.958.036)	(45.551.175.463)
Chi phí khấu hao được phân bổ trong kỳ/năm	(539.835.474)	(691.963.320)
Số dư cuối kỳ/năm	**35.704.211.214**	**37.257.326.519**

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu mua lại của chính mình	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025							
Số dư đầu kỳ	**3.262.350.000.000**	**11.692.500.615**	**302.424.679.411**	**(87.388.368.719)**	**658.981.464.619**	**376.271.688.271**	**4.524.331.964.197**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	58.419.741.469	58.419.741.469
Trích Quỹ đầu tư, phát triển	-	-	-	-	128.119.655.961	(128.119.655.961)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(60.510.101.333)	(60.510.101.333)
Tài sản hình thành từ các quỹ	-	-	17.342.121.657	-	(17.342.121.657)	-	-
Xử lý chi phí dự án dừng vĩnh viễn	-	-	-	-	-	(2.314.037.028)	(2.314.037.028)
Số dư cuối kỳ	**3.262.350.000.000**	**11.692.500.615**	**319.766.801.068**	**(87.388.368.719)**	**769.758.998.923**	**243.747.635.418**	**4.519.927.567.305**
Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026							
Số dư đầu kỳ	**3.262.350.000.000**	**11.692.500.615**	**320.797.352.920**	**(87.388.368.719)**	**768.728.447.071**	**190.200.865.081**	**4.466.380.796.968**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	165.999.569.336	165.999.569.336
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	(26.032.628.205)	(26.032.628.205)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	-	(144.275.874.300)	(144.275.874.300)
Tài sản hình thành từ các quỹ	-	-	41.666.667	-	(41.666.667)	-	-
Số dư cuối kỳ	**3.262.350.000.000**	**11.692.500.615**	**320.839.019.587**	**(87.388.368.719)**	**768.686.780.404**	**185.891.931.912**	**4.462.071.863.799**

(i) Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ngày 23 tháng 6 năm 2026 đã thông qua phương án trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025 với số tiền lần lượt là 26.032.628.205 VND và 144.275.874.300 VND. Tại ngày phát hành báo cáo, giá trị cổ tức này chưa được thanh toán cho các cổ đông của Công ty.

Vốn điều lê

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 12 ngày 28 tháng 7 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp					
	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Số lượng cổ phiếu	VND	%	Số lượng cổ phiếu	VND	%
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty cổ phần	166.391.896	1.663.918.960.000	51,90	166.391.896	1.663.918.960.000	51,90
Công ty TNHH Năng lượng REE	64.494.960	644.949.600.000	20,16	64.494.960	644.949.600.000	20,16
Các cổ đông khác	89.726.198	897.261.980.000	27,94	89.726.198	897.261.980.000	27,94
	320.613.054	**3.206.130.540.000**	**100**	**320.613.054**	**3.206.130.540.000**	**100**

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số cổ phiếu được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	326.235.000	3.262.350.000.000	326.235.000	3.262.350.000.000
Số cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	5.621.946	87.388.368.719	5.621.946	87.388.368.719
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	320.613.054	3.206.130.540.000	320.613.054	3.206.130.540.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải thu từ Công ty TNHH Bê tông Asean Hà Nội	150.190.114	150.190.114
	150.190.114	**150.190.114**

Tài sản thuê ngoài

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn		
Trong vòng 1 năm	24.380.051.060	24.380.051.060
Từ hai đến năm năm	97.520.204.240	97.520.204.240
Sau năm năm	601.374.592.829	625.754.643.893
	723.274.848.129	**747.654.899.193**

21. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng. Trong năm, Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác trọng yếu, theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 đều liên quan đến hoạt sản xuất, kinh doanh điện năng. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty chỉ có bộ phận hoạt động theo khu vực địa lý là Việt Nam. Theo đó, Công ty không lập báo cáo theo khu vực địa lý.

22. DOANH THU BÁN HÀNG

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán điện	4.641.432.799.898	3.461.498.145.227
Doanh thu khác	14.792.922.087	14.815.901.792
	4.656.225.721.985	**3.476.314.047.019**
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan *(Chi tiết tại Thuyết minh số 29)*	**4.640.921.476.001**	**3.461.014.896.308**

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhiên liệu, phụ liệu	4.116.422.941.889	2.924.223.283.229
Chi phí nhân công	117.367.477.162	110.301.660.891
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.503.297.187	21.492.057.249
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	169.958.034.809	201.325.153.316
Chi phí thuế, phí và lệ phí	57.552.204.305	50.089.991.015
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.865.271.531)	(2.819.773.175)
Chi phí khác	46.874.487.436	51.100.193.561
	4.523.813.171.257	**3.355.712.566.086**

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	4.116.422.941.889	2.924.223.283.229
Chi phí nhân công và nhân viên	146.111.151.903	137.855.593.828
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	169.958.034.809	201.325.153.316
Chi phí khấu hao	21.032.172.617	23.017.327.802
Chi phí thuế, phí và lệ phí	70.050.464.620	55.358.287.428
Hoàn nhập dự phòng	(3.865.271.531)	(5.841.077.695)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.765.512.600	31.962.719.372
Chi phí khác	35.838.979.010	38.772.803.867
	4.583.313.985.917	**3.406.674.091.147**

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập từ cổ tức	106.684.102.040	2.262.331.400
Lãi tiền gửi	2.251.858.987	35.375.737
	108.935.961.027	**2.297.707.137**

Thu nhập từ cổ tức chủ yếu phản ánh các khoản cổ tức được chia từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các công ty khác - các bên liên quan (Thuyết minh số 29).

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	28.743.674.741	27.553.932.937
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.528.875.430	1.525.270.553
Chi phí thuế, phí và lệ phí	12.498.260.315	5.268.296.413
(Hoàn nhập) chi phí dự phòng	-	(3.021.304.520)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.420.919.945	2.955.592.509
Chi phí bằng tiền khác	14.309.084.229	16.679.737.169
	59.500.814.660	**50.961.525.061**

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	15.063.498.074	14.132.041.024
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	**15.063.498.074**	**14.132.041.024**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	181.063.067.410	72.551.782.493
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	*(106.684.102.040)*	*(2.262.331.400)*
Trừ: Hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho	-	*(890.351.332)*
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	*938.525.000*	*1.261.105.360*
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	75.317.490.370	70.660.205.121
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	**15.063.498.074**	**14.132.041.024**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**165.999.569.336**	**58.419.741.469**
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**165.999.569.336**	**58.419.741.469**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	320.613.054	320.613.054
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**518**	**182**

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho các kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 30 tháng 6 năm 2025. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, chỉ tiêu "Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông" có thể điều chỉnh giảm, dẫn đến việc "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" giảm tương ứng.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ tối cao
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin (EVNICT)	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Thí Nghiệm điện Miền Bắc	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty điện lực Hải Phòng - Chi nhánh Tổng công ty điện lực Miền Bắc	Đơn vị cùng Tập đoàn

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán điện		
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	4.640.921.476.001	3.461.014.896.308
	4.640.921.476.001	**3.461.014.896.308**
Mua hàng		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	23.831.756.660	30.338.950.565
Công ty điện lực Hải Phòng - Chi nhánh Tổng công ty điện lực Miền Bắc	95.698.334	-
	23.927.454.994	**30.338.950.565**
Cổ tức được chia		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	73.587.291.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	26.016.811.100	2.262.331.400
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	7.080.000.000	-
	106.684.102.100	**2.262.331.400**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ hoạt động:

	Số cuối kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Mua bán điện	1.977.597.989.121	1.059.831.358.550
	1.977.597.989.121	**1.059.831.358.550**
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty cổ phần Phát triển điện lực Việt Nam	26.016.811.100	-
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	7.080.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	-	5.013.915.000
	33.096.811.100	**5.013.915.000**
Phải trả người bán ngắn hạn		
Tập đoàn điện lực Việt Nam	3.633.497.925	-
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4	566.477.390	1.726.477.390
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin (EVNICT)	-	469.708.991
Công ty TNHH MTV Thí Nghiệm điện Miền Bắc	343.952.000	343.952.000
	4.543.927.315	**2.540.138.381**
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	3.329.299.117	3.882.394.010
	3.329.299.117	**3.882.394.010**

Thù lao và thu nhập của người quản lý chuyên trách

Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị	**837.343.800**	**693.248.300**
Ông Mai Quốc Long	418.766.800	298.733.600
Ông Nguyễn Văn Thanh	125.505.000	59.106.000
Ông Lê Tuấn Hải	121.101.000	59.106.000
Ông Nguyễn Xuân Diện	66.403.000	59.106.000
Ông Ngô Nguyên Đồng	51.657.000	158.090.700
Ông Nguyễn Quang Quyền	49.403.000	59.106.000
Ông Lương Trường Luân	2.254.000	-
Ông Trần Châu Tấn	2.254.000	-
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	**1.896.397.625**	**642.777.700**
Ông Nguyễn Hoàng Hải	337.647.975	288.923.800
Thành viên khác Ban Giám đốc	1.213.957.950	353.853.900
Phạm Hồng Vân - Kế toán trưởng	344.791.700	-
Thù lao của Ban Kiểm soát	**685.271.055**	**506.822.488**
Trưởng Ban Kiểm soát	324.868.340	202.923.665
Thành viên khác	360.402.715	303.898.823

30. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê chủ yếu phản ánh hợp đồng thuê đất với thời hạn 50 năm được ký với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng. Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê không được hủy ngang như đã trình bày ở Thuyết minh số 20.

31. NỢ TIỀM TÀNG

Công ty có thể phát sinh nghĩa vụ liên quan đến chi phí phá dỡ và xử lý các tài sản gắn liền với đất nhằm hoàn trả mặt bằng khi kết thúc thời hạn thuê đất hoặc khi dự án nhà máy điện chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, đến ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty chưa thể ước tính một cách đáng tin cậy giá trị cũng như thời điểm phát sinh nghĩa vụ này. Do đó, chưa có khoản dự phòng hoàn nguyên nào được ghi nhận trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày.

32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ không bao gồm 33.096.811.100 VND (kỳ trước: 5.013.915.060 VND), là số tiền cổ tức được chia mà chưa được nhận. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền chi trả cổ tức, lợi nhuận đã trả cho Cổ đông trong kỳ không bao gồm 150.006.493.016 VND (kỳ trước: 5.730.618.716 VND), là số tiền cổ tức được chia cho các cổ đông theo các quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng Quản trị mà chưa thực hiện chi trả. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

33. THÔNG TIN BỔ SUNG

Trong năm 2023, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và hình thức xử phạt bổ sung đình chỉ hoạt động của Công ty trong thời hạn 12 tháng, thời điểm đình chỉ hoạt động kể từ ngày Bộ Công thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN") giao nhiệm vụ, đấu thầu giao nhiệm vụ, chỉ định đơn vị hoặc lựa chọn được nhà thầu khác cung ứng điện thay thế nguồn điện huy động từ Công ty. Hiện nay, Ban lãnh đạo Công ty đang tiếp tục thực hiện các biện pháp cần thiết để khắc phục vi phạm về môi trường, cụ thể như sau:

- Công ty đã hoàn thành đại tu các hệ thống lọc bụi của 07 lò hơi của dây chuyền 1, khắc phục một phần vi phạm về bụi khí thải;

- Công ty đang triển khai kế hoạch cải tạo nâng cấp hệ thống xử lý khí thải và kế hoạch hoàn thành việc cải tạo nâng cấp trong năm 2026 đối với các tổ máy của dây chuyền 2.

Theo hợp đồng mua bán điện đã ký với Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công ty đã có thỏa thuận bán điện đến năm 2031. Công ty tiếp tục hoạt động sản xuất điện theo kế hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện năm 2026. Ngoài ra, Công ty đã thu thập và đánh giá các thông tin về nhu cầu sử dụng, khả năng cung ứng điện năng cũng như các thông tin liên quan đến lưới điện truyền tải, cơ cấu nguồn điện tương quan với tình hình phát triển kinh tế xã hội cho giai đoạn 2021-2050 để xem xét về khả năng hoạt động của nhà máy điện trong dài hạn.

Công ty cũng đã thực hiện các thủ tục để đề xuất các cơ quan có thẩm quyền bổ sung dự án chuyển đổi sử dụng nhiên liệu than sang đốt kèm sinh khối, amoniac cho Dây chuyền 1 và Dây chuyền 2 vào Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050. Theo Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã phê duyệt danh mục các Nhà máy điện linh hoạt bao gồm Dự án điện khí linh hoạt của Công ty với công suất dự kiến của Dự án là 1200 MW và giai đoạn vận hành từ năm 2025 đến năm 2035.

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông của Công ty số 67/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 6 năm 2026 đã thông qua chủ trương nghiên cứu, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh phương án đầu tư Dự án Nhà máy điện Linh hoạt Hải Dương 1.200 MW sang phương án Nhà máy nhiệt điện sử dụng than công nghệ cao đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường theo quy định của pháp luật.

Đến thời điểm phê duyệt báo cáo này, Công ty đang thực hiện các thủ tục để lựa chọn nhà thầu tư vấn điều chỉnh phương án đầu tư nêu trên.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 27 tháng 10 năm 2025. Công ty đã lựa chọn thực hiện các phân loại lại số liệu năm trước. Theo đó, một số số liệu năm trước đã được Phân loại lại theo hướng dẫn tại điều khoản chuyển tiếp của Thông tư 99 và được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau (Phân loại lại)
	VND	VND	VND
Các khoản tương đương tiền	375.000.000.000	355.479.452	375.355.479.452
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	40.000.000.000	234.273.973	40.234.273.973
Phải thu ngắn hạn khác	9.009.854.730	(589.753.425)	8.420.101.305
Phải trả ngắn hạn khác	7.639.544.038	(5.730.618.716)	1.908.925.322
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	-	5.730.618.716	5.730.618.716

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Tâm	Phạm Hồng Vân	Nguyễn Hoàng Hải
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Người đại diện theo pháp luật

Phê duyệt, ngày 12 tháng 8 năm 2026

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2
CÔNG TY CP NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
ELECTRICITY GENERATION CORPORATION 2
PHẢ LẠI THERMAL POWER JOINT STOCK COMPANY

Số: 3619/PPC-TCKT

Về việc: biến động kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025 và số liệu sau kiểm toán so với báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ quý 2/2026
Regarding: changes in business results on the reviewed mid-year financial statements for 2026 compared to the same period in 2025, and the audited figures compared to the mid-year financial report for Q2/2026

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Hải Phòng, ngày 13 tháng 8 năm 2026

Kính gửi: - Uỷ ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM;
- Quý cổ đông.

To: - *The State Securities Commission;*
- *Ho Chi Minh Stock Exchange;*
- *Shareholders.*

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của BTC về việc hướng dẫn CBTT trên thị trường chứng khoán;

Based on Circular 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020, issued by the Ministry of Finance, guidelines on disclosure of information on the securities market;

Căn cứ quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh;

Based on the regulations of the State Securities Commission and the Ho Chi Minh City Stock Exchange;

Căn cứ báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại được soát xét bởi Công ty TNHH kiểm toán Deloitte Việt Nam;

Based on the reviewed interim financial report for the period ending June 30, 2026, of Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company, reviewed by Deloitte Vietnam Audit Company Limited;

1. Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại xin giải trình biến động kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025 cụ thể:

1. Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company would like to explain the changes in business results on the reviewed mid-year financial statements for 2026 compared to the same period in 2025 in detail:

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2026 là 165,99 tỷ đồng cao hơn 107,58 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2025 (năm 2025 là 58,42 tỷ đồng). Biến động (tăng) trên 10% so với cùng kỳ năm 2025, nguyên nhân chủ yếu do:

The after-tax profit for the first 6 months of 2026 is 165.99 billion VND, higher by 107.58 billion VND compared to the same period in 2025 (which was 58.42 billion VND in 2025). The increase of over 10% compared to the same period in 2025 is mainly due to:

Sản lượng điện thương phẩm lũy kế 6 tháng đầu năm 2026 Công ty là 2.531 triệu KWh cao hơn 559 triệu kWh so với cùng kỳ năm 2025 (năm 2025 là 1.971 triệu KWh). Do đó, Doanh thu bán hàng của Công ty 6 tháng đầu năm 2025 đạt 4.656,22 tỷ đồng cao hơn 1.179 tỷ đồng tương đương tăng 28% so với cùng kỳ năm 2025 (năm 2025 là 3.476,31 tỷ đồng). Đồng thời, giá vốn hàng bán 6 tháng đầu năm 2025 là 4.523,81 tỷ đồng tăng 1.168 tỷ đồng. Tuy nhiên giá trị tăng doanh thu cao hơn giá trị tăng giá vốn 11,81 tỷ đồng.

The company's cumulative commercial electricity output in the first 6 months of 2026 was 2,531 million kWh, 559 million kWh higher than the same period in 2025 (2025 was 1,971 million kWh). As a result, the company's sales revenue for the first 6 months of 2025 reached 4,656.22 billion VND, up 1,179 billion VND, or an increase of 28% compared to the same period in 2025 (2025 was 3,476.31 billion VND). At the same time, the cost of goods sold for the first 6 months of 2025 was 4,523.81 billion VND, up 1,168 billion VND. However, the increase in revenue was higher than the increase in cost by 11.81 billion VND.

Như vậy Sản lượng điện thương phẩm tăng dẫn đến doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán đều tăng, tuy nhiên giá trị tăng doanh thu (doanh thu tăng 1.179 tỷ đồng) cao hơn so với giá trị tăng giá vốn (giá vốn tăng 1.168 tỷ đồng) dẫn đến lợi nhuận 6 tháng đầu năm năm 2026 tăng 11,81 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2025.

So, the increase in commercial electricity output led to higher sales revenue and cost of goods sold. However, the increase in revenue (up 1,179 billion VND) was higher than the increase in cost (up 1,168 billion VND), resulting in a profit increase of 11.81 billion VND in the first half of 2026 compared to the same period in 2025.

Doanh thu tài chính 6 tháng đầu năm 2026 đạt 108,94 tỷ đồng cao hơn 106,64 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2025 (cùng kỳ năm 2025 đạt 2,29 tỷ đồng) nguyên nhân do các đơn vị Công ty tham gia góp vốn chi trả cổ tức từ phần lợi nhuận được phân phối năm 2025 sớm dẫn đến doanh thu từ cổ tức tăng.

Financial revenue in the first 6 months of 2026 reached 108.94 billion VND, higher than 106.64 billion VND compared to the same period in 2025 (the same period in 2025 was 2.29 billion VND), due to the company's units participating in capital contribution and paying dividends from the 2025 distributed profits early, resulting in increased revenue from dividends..

Từ những nguyên nhân trên làm cho lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2026 là 165,99 tỷ đồng cao hơn 84,15% so với cùng kỳ năm 2025 (cùng kỳ năm 2025 là 58,42 tỷ đồng).

Từ những nguyên nhân trên làm cho lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2026 là 165,99 tỷ đồng cao hơn 84,15% so với cùng kỳ năm 2025 (cùng kỳ năm 2025 là 58,42 tỷ đồng).

2. Thay đổi số liệu trên BCTC giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 so với báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ quý 2 năm 2026:

2. Changes in the figures on the reviewed interim financial statements for the six-month period ended June 30, 2026, compared to the interim financial position report for Q2 2026:

2.1 Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (Mẫu 01a-DN):

2.1 Mid-year financial report (Form 01a-DN):

STT *No.*	**Mã số** *Item*	**Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ quý 2 năm 2026** *Mid-year financial report for Q2 2026*	**BCTC giữa niên độ đã được soát xét Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026** *The interim financial statements have been reviewed for the 6-month period ended June 30, 2026*	**Ghi chú** *Note*
1	2	3	4	6
1	Mã số 313. Phải trả cổ tức, lợi nhuận *Code 313-* Dividends and profit payable	5 730 618 716	150 006 493 016	Tăng do hạch toán tăng khoản phải trả cổ tức từ lợi nhuận được phân phối năm 2025 theo thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 (Ghi nhận phải trả cổ tức Tại thời điểm doanh nghiệp không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức, lợi nhuận bằng tiền cho các cổ đông, thành viên góp vốn của

				công ty theo quy định của pháp luật - Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 23/06/2026) *Increase due to recording an increase in dividends payable from the profit distributed in 2025 according to Circular 99/2025/TT-BTC dated October 27, 2025 (Recording dividends payable at the time when the company has no right to refuse the obligation to pay cash dividends to shareholders and company members under the law - Resolution of the General Meeting of Shareholders approved on June 23, 2026)*
2	Mã số 420- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối *Code 420*- Retained earnings	330.167.806.212	185.891.931.912	Giảm do hạch toán tăng khoản phải trả cổ tức từ lợi nhuận được phân phối năm 2025 theo thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 (Ghi nhận phải trả cổ tức Tại thời điểm doanh nghiệp không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức, lợi nhuận bằng tiền cho các cổ đông, thành viên góp vốn của công ty theo quy định của pháp luật- Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 23/06/2026) . *Reduced due to recording an increase in dividends payable from profits distributed in 2025 according to Circular 99/2025/TT-BTC dated October 27, 2025 (Recording dividends payable at a*
2.1	Mã số 420a- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước *Code 420a- Retained earnings accumulated to the prior year end*	164.168.236.876	19.892.362.576	

				time when the company cannot refuse the obligation to pay cash dividends to shareholders or members of the company's capital according to the law - Resolution of the General Meeting of Shareholders approved on June 23, 2026)

Từ nguyên nhân trên làm cho các mã số 300, 310, 400 trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ quý 2 năm 2026 thay đổi.

For the above reason, the codes 300, 310, and 400 on the mid-year financial report for Q2 2026 have changed.

Trên đây là giải trình của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại về việc biến động kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025 và số liệu sau kiểm toán so với báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ quý 2/2026

The above is the explanation from Phả Lại Thermal Power Joint Stock Company Regarding: changes in business results on the reviewed mid-year financial statements for 2026 compared to the same period in 2025, and the audited figures compared to the mid-year financial report for Q2/2026.

Trân trọng báo cáo./.
Respectfully reported .

Nơi nhận: / Recipients
- Như trên/*As above;*
- EVNGENCO2 (để B/c) /*EVNGENCO2 (for Reporting purpose);*
- HĐQT; BKS (để B/c)/ *Board of Directors; Supervisory Board (for reporting purposes)*
- Lưu: VT,TCKT.
/ Filed: Office, Accounting and Finance Department.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE
TỔNG GIÁM ĐỐC/*GENERAL DIRECTOR*

M.S.D.N: 0800296853 CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI P. CHÍ LINH T. HẢI PHÒNG

Nguyễn Hoàng Hải